

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 20/7/2020.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng.

Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:
Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23/4/2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HN, ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Lâm T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T xác lập hôn nhân năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/11/2002, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh T có quen nhau khoảng 01 năm rồi tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán.

Quá trình chung sống, do anh T gây ra nợ nần, chị phải xuất tiền trả nợ, anh hứa không tái diễn, do anh không sửa đổi mà tiếp tục lâm vào cảnh nợ nần với số tiền gần 90.000.000 đồng, chị hỏi về số nợ anh không nói gì cả, chị hoàn toàn không biết anh hỏi nợ sử dụng tiền vào mục đích gì, do không có tiền để trả nợ dẫn đến vợ chồng bất hòa cãi vã với nhau thường xuyên, không thể nào chung sống được, chị đi về nhà mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con tên:* Võ Hà Mỹ H, sinh ngày 12/12/1999, đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với Võ Phúc K, sinh ngày 27/7/2013 đang sống với chị, chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Võ Lâm T là bị đơn trong vụ án, anh T vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- *Về đăng ký kết hôn:* Chị và anh T xác lập hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/11/2002.

- *Về nuôi con tên:* Võ Hà Mỹ H, sinh ngày 12/12/1999, đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với Võ Phúc K, sinh ngày 27/7/2013, chị N xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn, anh T đồng ý.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị N và anh T không tranh chấp, không khởi kiện.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau về hôn nhân:

+ *Chị N ý kiến:* Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, vì tình cảm vợ chồng không còn.

+ *Anh T ý kiến:* Anh không đồng ý ly hôn với chị N, trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vắng mặt nên không có lời phát biểu về việc tuân theo pháp luật cũng như về hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ các Điều 232, 228 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T và Kiểm sát viên theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị N khởi kiện anh T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị xin được quyền nuôi dưỡng con tên Võ Phúc K, sinh ngày 27/7/2013, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị N và anh T xác lập hôn nhân năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C vào ngày 11/11/2002, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị N khai: Quá trình chung sống, do anh T gây ra nợ nần, chị phải xuất tiền trả nợ, anh hứa không tái diễn, do anh không sửa đổi mà tiếp tục lâm vào cảnh nợ nần với số tiền gần 90.000.000 đồng, chị hỏi về số nợ anh không nói gì cả, chị hoàn toàn không biết anh hỏi nợ sử dụng tiền vào mục đích gì, do không có tiền để trả nợ dẫn đến vợ chồng bất hòa cãi vã với nhau thường xuyên, không thể nào chung sống được, chị đi về nhà mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai đề ngày 01/7/2020, anh T khai: Quá trình chung sống, chị N cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó mới ghen tuông, cãi vã với nhau thường xuyên, mất niềm tin với nhau, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, tất cả tiền bạc, tài sản trong gia đình đều do chị N quản lý, việc chị N cho rằng anh gây ra nợ nần là không có, do mâu thuẫn phát sinh kéo dài, nên chị N tự ý bỏ nhà ra đi về nhà mẹ ruột sống rồi ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không có liên lạc, không quan tâm với nhau. Nay anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Xét thấy khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị N và anh T đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng. Tòa án ra nhiều thông báo về phiên hòa giải vụ án, mục đích để hòa giải hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh T đều vắng mặt tại các phiên hòa giải không có lý do, từ đó phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, chị N và anh T đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2019 đến nay gần 09 tháng, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin được ly hôn với anh T. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*:

+ Đối với con tên Võ Hà Mỹ H, sinh ngày 12/12/1999, đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

+ Đối với con tên Võ Phúc K, sinh ngày 27/7/2013. Trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu Khang sống với chị N và được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa chị N xin được quyền nuôi dưỡng con tên Võ Phúc K, sinh ngày 27/7/2013 khi ly hôn là phù hợp với ý kiến của anh T thể hiện qua biên bản lấy lời khai đề ngày 01/7/2020 là đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng.

Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Võ Phúc K cho chị N được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị N và anh T không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Kim N nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim N.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Võ Lâm T.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Trần Thị Kim N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Võ Phúc K, sinh ngày 27/7/2013, khi ly hôn.

+ Anh Võ Lâm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Trần Thị Kim N nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên

lại thu tiền số 0007086, ngày 22/4/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Trần Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo:

+ Chị Trần Thị Kim N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Võ Lâm T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày chị nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã M, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm